

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

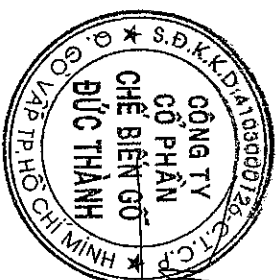
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2008

XÁC NHẬN

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 28 tháng 9 năm 2009



GIÁM ĐỐC HC-NS

Trần Hồng Thành

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 17

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH
21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Bà Lê Hải Liễu</u>	Chủ tịch
Ông Hoàng Xuân Chính	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2008)
Ông Trương Công Bình	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2008)
Bà Lê Thị Hải Lai	Thành viên
Ông Lê Như Ai	Thành viên
Ông Lê Hồng Thành	Thành viên
Ông Lê Hồng Thắng	Thành viên
Ông Lars Kjeaar	Thành viên

Ban Giám đốc

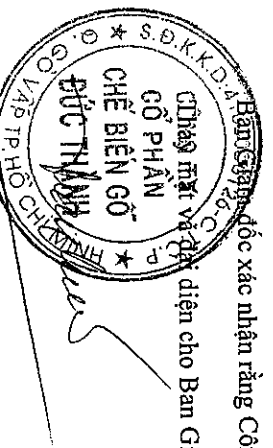
Bà Lê Hải Liễu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Thắng	Giám đốc Sản xuất
Ông Lê Hồng Thành	Giám đốc Hành chánh Nhân sự
Bà Nguyễn Thị Hương Huyền	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

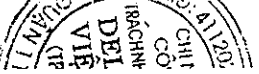
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu có các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh, và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Lê Hải Liễu
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2009



Số: 229 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

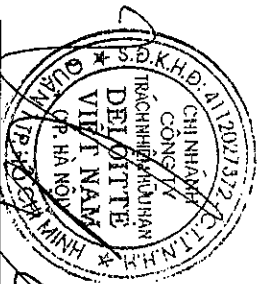
Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc, kiêm

Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

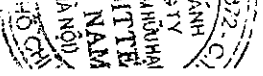
Ngày 25 tháng 3 năm 2009

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phạm Văn Tân

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0401/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tài ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2008	31/12/2007
A. TÀI SẢN NGÂN HẠN	100		76.885.901.287	72.582.628.254
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.179.700.144	15.858.181.613
1. Tiền	111		4.179.700.144	3.858.181.613
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	12.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.779.023.597	19.411.095.780
1. Phải thu khách hàng	131		6.155.102.021	10.676.349.955
2. Trả trước cho người bán	132		22.273.190.699	1.229.446.434
3. Các khoản phải thu khác	135		1.350.730.877	7.505.299.391
III. Hàng tồn kho	140	5	39.086.255.067	29.199.871.697
1. Hàng tồn kho	141		39.086.255.067	29.199.871.697
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.840.922.479	8.113.479.164
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.471.444.521	914.559.490
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.144.420.270	7.079.557.125
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		225.057.688	119.362.549
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85.383.064.334	77.012.092.981
I. Tài sản cố định	220		85.013.324.449	75.288.087.397
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	43.959.350.706	42.452.751.190
- Nguyên giá	222		69.895.147.843	64.226.725.585
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.935.797.137)	(21.773.988.895)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	9.156.873.597	9.279.805.713
- Nguyên giá	228		10.737.987.913	10.670.715.673
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.581.114.316)	(1.390.909.960)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	31.897.100.146	23.555.454.494
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		60.000.000	60.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		60.000.000	60.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		309.739.885	1.664.055.584
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	-	1.468.792.149
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	309.739.885	195.263.435
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		162.268.965.621	149.594.721.235

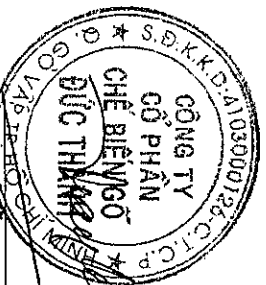
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THẠNH
 21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

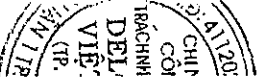
Mẫu B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		48.543.604.409	15.023.067.240
I. Nợ ngắn hạn	310		47.023.504.409	13.972.917.240
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	25.905.323.982	-
2. Phải trả người bán	312		7.812.724.119	7.096.841.601
3. Người mua trả tiền trước	313		2.862.519.932	1.160.554.863
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	4.261.393.110	866.287.024
5. Phải trả người lao động	315		1.697.181.061	1.567.289.925
6. Chi phí phải trả	316		4.349.484.259	2.833.736.955
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		134.877.946	448.206.872
II. Nợ dài hạn	330		1.520.100.000	1.050.150.000
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.520.100.000	1.050.150.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	13	113.725.361.212	134.571.653.995
I. Vốn chủ sở hữu	410		112.446.460.801	132.489.272.234
1. Vốn điều lệ	411		103.723.650.000	71.466.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.767.493.370	29.756.243.370
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.410.663.671	2.410.663.671
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.703.794.451	1.703.794.451
5. Cổ phiếu quỹ	419		(50.350.000)	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.891.209.309	27.151.670.742
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.278.900.411	2.082.381.761
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.278.900.411	2.082.381.761
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		162.268.965.621	149.594.721.235



Lê Hải Liễu
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 3 năm 2009

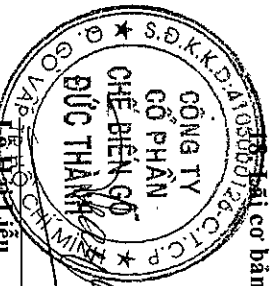
Nguyễn Thị Hương Huyền
 Kế toán trưởng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MÃU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	2008	2007
1. Doanh thu bán hàng	01		161.714.896.691	133.830.390.695
2. Các khoản giảm trừ	02		(20.250.880)	(22.665.312)
3. Doanh thu thuần từ bán hàng	10		161.694.645.811	133.807.725.383
4. Giá vốn hàng bán	11		(122.885.615.102)	(103.438.483.906)
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng	20		38.809.030.709	30.369.241.477
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	2.370.670.737	729.920.584
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	15	(2.261.780.498)	(579.489.870)
8. Chi phí bán hàng	24		(6.063.859.860)	(4.571.886.086)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(10.113.106.293)	(7.028.729.412)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		22.740.954.795	18.919.056.693
11. Thu nhập khác	31		1.103.395.841	4.222.168.051
12. Chi phí khác	32		(149.286.648)	(128.071.550)
13. Lợi nhuận khác	40	16	954.109.193	4.094.096.501
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.695.063.988	23.013.153.194
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	(5.033.851.101)	(1.664.747.981)
16. Thuế thu nhập thu nhập hoãn lại	52	17	114.476.450	195.263.435
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.775.689.337	21.543.668.648
18. Bồi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	2.527	3.136



Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2009

Nguyễn Thị Hương Huyền
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

21/6/D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU

Mã số 2008 2007

I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

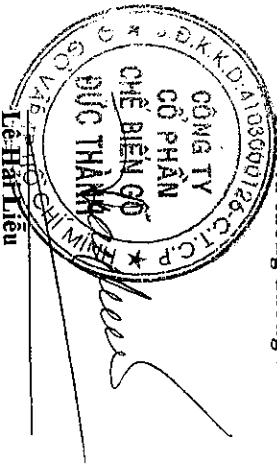
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.695.063.988	23.013.153.194
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.405.080.803	4.064.084.260
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	349.827.149	(1.658.977)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(721.356.341)	(541.572.985)
Chi phí lãi vay	06	783.267.688	86.161.097
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	28.511.883.287	26.620.166.589
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	14.006.024.121	(10.923.309.001)
Tăng hàng tồn kho	10	(9.886.383.370)	(6.384.443.712)
Tăng các khoản phải trả	11	4.076.671.702	4.844.459.903
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	911.907.118	(1.927.989.067)
Tiền lãi vay đã trả	13	(783.267.688)	(86.161.097)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.880.099.872)	(1.505.265.987)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.681.050.284)	(917.628.524)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29.275.685.014	9.719.829.104

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

1. Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(33.655.955.150)	(26.841.817.044)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	72.727.273	5.000.000
3. Thu lãi tiền gửi ngân hàng	27	670.566.363	561.667.723
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32.912.661.514)	(26.275.149.321)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Nhận vốn góp từ chủ sở hữu	31	5.268.000.000	33.061.000.000
2. Tiền vay nhận được	33	58.471.692.672	18.787.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(32.566.368.813)	(25.025.520.000)
4. Chi trả cổ tức	36	(38.918.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.744.676.141)	26.822.480.000
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	(11.381.652.641)	10.267.159.783
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	15.858.181.613	5.591.712.659
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(296.828.828)	(690.829)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.179.700.144	15.858.181.613



Lê Hải Liễu

Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2009

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Thị Hương Huyền
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHỊ CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B-09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000126 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 8 năm 2000, và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 1.073 người (năm 2007: 1.041 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm đồ gỗ gia dụng, cabin chổi, cabin còi, ván ghép và đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đưa ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

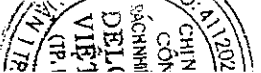
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BẢO CẢO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	4 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 9

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Thuế hoạt động

Khoản thuế được xem là thuế hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuế hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 31/12/2008	30.798.211.982	34.377.220.444	3.059.955.144	1.659.760.273	69.895.147.843
Tăng trong quý Chuyển từ chi phí XDCB dở dang		459.879.400		41.874.633	501.754.033
Thanh lý Tại ngày 30/09/2009	30.798.211.982	34.837.099.844	3.059.955.144	1.672.305.728	70.367.572.698
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 31/12/2008	(5.273.044.061)	(17.840.084.180)	(1.521.900.108)	(1.300.768.788)	(25.935.797.137)
Khấu hao trong kỳ	(916.116.301)	(1.980.166.208)	(171.430.938)	(107.923.554)	(3.175.637.001)
Thanh lý Tại ngày 30/09/2009	(6.189.160.362)	(19.820.250.388)	(1.693.331.046)	(1.408.692.342)	29.111.434.138
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/09/2009	24.609.051.620	15.016.849.456	1.366.624.098	263.613.386	41.256.138.560
Tại ngày 31/12/2008	25.525.167.921	16.537.136.264	1.538.055.036	358.991.485	43.959.350.706

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 31/12/2008	10.623.823.333	114.164.580	10.737.987.913
Tăng trong năm			
Chuyển từ chi phí XD CB dở dang			
Tại ngày 30/09/2009	10.623.823.333	114.164.580	10.737.987.913
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 31/12/2008	(1.523.009.938)	(58.104.378)	(1.581.114.316)
Khấu hao trong năm	(125.000.001)	(16.818.057))	(141.818.058)
Tại ngày 30/09/2009	(1.648.009.939)	(74.922.435)	(1.722.932.374)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/09/2009	8.975.813.394	39.242.145	9.015.055.539
Tại ngày 31/12/2008	9.100.813.395	56.060.202	9.156.873.597
Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất tại ngày 30 tháng 09 năm 2009 bao gồm:			
- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn có giá trị còn lại là 2.100.813.399 đồng (2007: 2.100.813.399 đồng, 2008: 2.100.813.399 đồng); và			
- Quyền sử dụng đất có thời hạn có giá trị còn lại là 6.916.666.662 đồng (2007: 7.166.666.664 đồng, 2008: 6.999.999.996 đồng) và được khấu hao trong suốt 45 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2005.			

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/09/2009 VNĐ	2008 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	31.897.100.146	23.555.454.494
Tăng/giảm trong năm	(1.576.771.979)	8.838.082.931
Kết chuyển sang tài sản cố định		(496.437.279)
Tại ngày 31 tháng 12 (*)	30.320.328.167	31.897.100.146

(*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí xây dựng Nhà máy Mỹ Phước, tỉnh Bình Dương là 24.701.856.549 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

GHI CHÚ BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/09/2009	2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 1 tháng 1		
Tăng trong kỳ	80.000.000	1.468.792.149
Phân bổ vào chi phí & kết chuyển trong năm		(1.468.792.149)
Tại ngày 30 tháng 09	<u>80.000.000</u>	<u>-</u>

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/09/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay và nợ ngắn hạn		
	<u>19.185.840.262</u>	<u>25.905.323.928</u>
Vay và nợ ngắn hạn thể hiện các khoản vay theo hợp đồng tín dụng bổ sung vốn lưu động từ Vietcombank và Eximbank.		

11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoàn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	222.283.098	87.456.787	309.739.885
Chuyển sang lợi nhuận/(lỗ) trong quý			
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009	<u>222.283.098</u>	<u>87.456.787</u>	<u>309.739.885</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/09/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.434.380.326	4.124.168.502
Thuế thu nhập cá nhân	278.409.373	137.224.608
Thuế khác	64.811.324	
	<u>6.777.601.023</u>	<u>4.261.393.110</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư, phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Cộng VNĐ
Tại ngày 31/12/2008	103.723.650.000	2.767.493.370	(50.350.000)	2.410.663.671	1.703.794.451	1.278.900.411	1.891.209.309	113.725.361.212
Chi trả cổ tức							(7.562.765.000)	(7.562.765.000)
Lợi nhuận trong kỳ							22.812.802.973	22.812.802.973
Trích các quỹ từ lợi nhuận								
(*)						1.125.816.000	(1.125.816.000)	-
Mua lại cổ phiếu của công nhân viên			(93.100.000)					(93.100.000)
Chi khác						(1.818.959.367)		(1.818.959.367)
Thu khác						1.343.836.000		1.343.836.000
Tại ngày 30/06/2009	103.723.650.000	2.767.493.370	(143.450.000)	2.410.663.671	1.703.794.451	1.929.593.044	16.015.431.282	128.407.175.818

(*) Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 6 tháng đầu năm 2009.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU B 09 - DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Vốn điều lệ

Thực hiện theo nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 22 tháng 3 năm 2008 và ngày 1 tháng 12 năm 2008, Công ty đã tiến hành bán ưu đãi cổ phiếu cho công nhân viên và phát hành cổ phiếu thường (theo tỷ lệ 10:4) tăng vốn điều lệ của Công ty từ 71.466.900.000 đồng lên 103.723.650.000 đồng. Tái ngày 31 tháng 12 năm 2008, vốn điều lệ đã được góp đủ bởi các cổ đông. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới của công ty đã được phê duyệt bởi Bộ Kế Hoạch Đầu Tư vào ngày 9 tháng 1 năm 2009.

Cổ phiếu

	30/09/2009	31/12/2008
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10.372.365	10.372.365
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	10.372.365	10.372.365
<i>Cổ phiếu thường</i>	10.372.365	10.372.365
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	14.345	5.035
<i>Cổ phiếu thường</i>	14.345	5.035
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.358.020	10.367.330
<i>Cổ phiếu thường</i>	10.358.020	10.367.330
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

14. THU NHẬP TÀI CHÍNH

	30/09/2009	2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	124.010.991	670.566.363
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	793.783.789	944.457.525
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		174.918.832
Lãi do bán ngoại tệ	-	580.728.017
	<u>917.794.780</u>	<u>2.370.670.737</u>

15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	30/09/2009	2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	432.741.702	783.267.688
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	920.463.724	953.766.829
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		524.745.981
	<u>1.353.205.426</u>	<u>2.261.780.498</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

21/6D Phan Huy Ich, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

GHI CHÚ BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

16. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC

	30/09/2009	2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	72.727.273
Thu bán phế liệu	152.608.635	540.288.388
Các khoản thu nhập khác	538.014.672	490.380.180
Thu nhập khác	690.623.307	1.103.395.841
Gia trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	(21.937.295)
Chi phí khấu hao của tài sản cố định không sử dụng	-	(107.322.163)
Các khoản chi phí khác	-	(20.027.190)
Chi phí khác	(187.520.324)	(149.286.648)
Lợi nhuận/(lỗ) khác	<u>503.102.983</u>	<u>954.109.193</u>

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	30/09/2009	2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	29.247.183.299	23.695.063.988
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	458.974.574
Thu nhập chịu thuế	29.247.183.299	24.154.038.562
Mức thuế suất thông thường	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất thông thường	7.311.795.825 (877.415.499)	6.763.130.797 (1.729.279.696)
Thuế thu nhập doanh nghiệp miễn giảm	6.434.380.326	5.033.851.101
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	(114.476.450)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (ghi chú 11)	<u>6.434.380.326</u>	<u>4.919.374.651</u>

9 tháng đầu năm /2009, Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất 22% và sẽ tính lại số thuế thu nhập doanh nghiệp miễn, giảm vào cuối năm.

18. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	30/09/2009	2008
Lợi nhuận sau thuế	22.812.802.973	18.775.689.337
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.812.802.973	18.775.689.337
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.358.020	7.429.133
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.202</u>	<u>2.527</u>